

Đề bài

*Hãy phân tích đoạn thơ
sau trong bài*

TIẾNG HÁT CON TÀU

của Chế Lan Viên.

Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chằng?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài ô cửa? Tàu đôi những vầng trăng

.....

Đất nước gọi hay lòng ta gọi?
Tình em đang mong, tình mẹ đang chờ
Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội
Mắt ta thèm mái ngói đỏ trăm ga...

1960

(Theo Thơ Việt Nam 1945 - 1975,
NXB Giáo Dục, 1985)

Bài làm

Tây Bắc ư có riêng gì Tây Bắc

Khi lòng ta đã hóa những con tàu.

Không phải ngẫu nhiên Chế Lan Viên đã lấy hai câu thơ trên làm đề tựa cho bài thơ *Tiếng hát con tàu* của mình. Một bài thơ ra đời trong những năm tháng miền Bắc đang cuộn cuộn chảy theo dòng thác xây dựng lại đất nước. Một bài thơ ra đời trong muôn ngàn sợi nhớ sợi thương vắn vương lòng nhà thơ, lòng tác giả. *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên đã cất tiếng chào đời như thế – ví như một vì sao đến giao hòa với tập *Điêu tàn*. Chế Lan Viên để kết thành một vòm tinh tú, tỏa sáng lung linh trên bầu trời văn học Việt Nam.

Tựa như khi nhắc đến sông là nhắc đến vô vàn gợn sóng, nhắc đến trăng là nhắc đến triệu sao lấp lánh trên trời, thì ở đây, nhắc đến Chế Lan Viên là nhắc đến *Tiếng hát con tàu*. Bài thơ nhỏ mà tư tưởng lớn. Bài thơ bình dị mà sáng hơn sao, gọi nhiều suy nghĩ hơn sóng biển!

Có ai đó đã từng bảo “thơ là một nghệ thuật kỳ diệu của trí tưởng tượng”. Đúng rằng, những định nghĩa về thơ là vô biên nhưng theo ý tôi thơ đâu chỉ là một nghệ thuật tưởng tượng bình thường. Đó là cả một sự suy tư liên kết từ hiện thực, từ quá khứ, từ tương lai. Nếu thơ anh không có hiện thực mà bản thân anh đã trải qua, bài thơ ấy bỗng trở nên sáo rỗng, rập khuôn một cách kịch cỡm. Trở về với *Tiếng hát con tàu* ta nhận thấy hiện thực nổi lên rất rõ trong thơ Chế Lan Viên. Một hiện thực mà nhà thơ đã lặn mình vào, ôm ấp nâng niu suốt mười năm trường!

Đã qua rồi một cậu bé mười bảy tuổi với nỗi đau không nguôi về một nước Chàm “loang lỗ máu”, một cậu bé với mắt nhìn oán hận “mang chi xuân đến gọi thêm sầu!”. Thay vào đó là một chàng trai trưởng thành, hồn lồng lộng gió thời đại, tay vợ trọn muôn nỗi niềm day dứt của thể hệ tương lai là hiện tại:

*Con tàu này lên Tây Bắc, anh đi chẳng?
Bạn bè đi xa, anh giữ trời Hà Nội
Anh có nghe gió ngàn đang rú gọi
Ngoài ô cửa? Tàu đói những vàng trắng
Đất nước mênh mông đời anh nhỏ hẹp
Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi
Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép
Tâm hồn anh chờ gặp anh trên kia*

Mở đầu khổ thơ là một câu hỏi lớn. Mở đầu bài thơ là một câu hỏi có tầm vóc khá cao. Là bởi vì đó là âm hưởng chung của cả một thời kỳ lịch sử. Cao là vì nó mang nặng những ưu tư. Những biến chuyển vừa rõ rệt vừa mơ

hồ trong lòng nhà thơ. Một câu hỏi để mà hỏi? Một câu hỏi Chế Lan Viên tự hỏi mình hay hỏi muôn lớp thanh niên đang sống trên đời này, trên mảnh đất bình yên Hà Nội này? Có những nhà thơ thiên về lối trữ tình chính trị mộc mạc, đơn giản, dễ gần, dễ hiểu như thơ của Tố Hữu. Nhưng có những nhà thơ thiên về lối bất khả giải. Trong tâm tư tưởng được đề nén trong những câu, những vần rất khó hiểu! Càng đọc để thấy mình càng như lạc vào một mê cung, mà vẫn thích thú lao đi vì trong mê cung ấy nhiều hoa, nhiều hương quá! “Tàu đỏi những vàng trắng” câu thơ đã đặt Chế Lan Viên thành một nhà thơ thứ hai, khó hiểu nhưng dễ mến!

Quang Dũng ngày xưa đã từng mơ mình là “mây ở đầu ô mây lang thang”, để thoát khỏi sự gò bó khó chịu của đô thành phồn hoa chật hẹp. Chế Lan Viên không trực tiếp nói vậy! Bởi nhà thơ đã hóa thành muôn người cùng một ý tưởng, cùng một suy nghĩ. Nhắc đến “vàng trắng” là nhắc đến những gì cao đẹp nhất, tròn trịa nhất, trong lành nhất. Há chẳng phải nhà thơ muốn ví những linh hồn là những vàng trắng đó sao? Không phải vô tình khi Chế Lan Viên viết “Tàu đỏi những vàng trắng” rồi lại nhắc “Tàu gọi anh đi, sao chữa ra đi!”. Theo ý tôi, con tàu ở đây ví như nền văn học Việt Nam ta lúc bấy giờ. Một nền văn học biết chuyển động, biết hướng đến những mục đích cao và xa rộng đằng trước mặt và nền văn học ấy không thể chấp nhận những tâm hồn bị gò ép bởi những “giấc mơ con đê nát cuộc đời con” (Chế Lan Viên). Nền văn học ấy đòi hỏi sự chuyên trong mỗi tâm hồn nghệ sĩ. Những tâm hồn có “gió ngàn”, có trời rộng, có biển dài, có đường xa. Ba câu hỏi liên tiếp như ba cái móc đưa ta lên cao, để từ đó ta nhìn xuống trần gian, để ta thốt lên “Đất nước mênh mông, đời anh nhỏ hẹp”. Một câu thơ mà chứa đựng bao ý tình! Đặt con người là hữu hạn bên cạnh đất nước là vô hạn. Chế Lan Viên đã tự đưa nhiệm vụ cho mình và cho bạn bè. Tám câu thơ là một lời trách móc, là một lời khuyên lớn của người cha, người mẹ, người chị, người bạn đường thương yêu “Chẳng có thơ đâu giữa lòng đóng khép – Tâm hồn anh chờ đợi anh trên kia!”. Câu thơ giục ta quay về không gian của *Đôi mắt* (Nam Cao), trong truyện ngắn đó, thay thế cho cái nhìn cũ kỹ, thiên lệch, hẹp hòi của cả một tầng lớp trí thức cũ – họ đi ngoài lề của cuộc kháng chiến, của cuộc sống nên không thấy được vẻ hoành tráng của một dân tộc đang rẽ sóng, vạch gió đi lên. Họ không biết rằng những suy tư trong tâm hồn họ đã mục rỗng, đã bị ủ thành men chua chát! Chế Lan Viên đã ý thức được điều đó. Và ông đã tình nguyện làm người dẫn đường cho mọi lớp người đi lên, đi lên xây dựng quê hương, xây dựng Tây Bắc.

Đã là người dẫn đường thì bao giờ cũng thuộc các nẻo đường. Chế Lan Viên thuộc con đường lên Tây Bắc ấy, bởi nhà thơ đã hòa mình vào cuộc kháng chiến “Mười năm qua như ngọn lửa”, hòa mình vào giọt máu lên mảnh đất yêu thương, nên cũng chẳng có gì ngạc nhiên khi lời thơ bỗng reo lên trong treo:

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa
Như đưa trẻ thơ đói lòng gặp sữa
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

“Nai về suối cũ” lòng ta lại dấy lên những vần thơ êm đềm, sâu lắng của Lưu Trọng Lư.

*Em không nghe mùa thu
Lá thu rơi xào xạc
Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô.*

(Tiếng thu)

Đã qua rồi những năm tháng đất nước chờ vợ không nhìn thấy ánh sáng mặt trời, đã qua rồi những chiếc lá úa vàng buồn thê lương của mùa thu. Con nai vàng ngây thơ, ngơ ngác giữa đêm trăng cũng ra đi! Hay nói đúng hơn, chú đã lột xác để trở thành chàng trai “về suối cũ”. Một chàng trai với những suy nghĩ mà luồng gió của thời đại đã thổi vào lòng chúng những mùa xuân mới. Không biết khi viết những dòng thơ này Chế Lan Viên có nghĩ đến con nai vàng huyền thoại của Lưu Trọng Lư mà sao tôi thấy thương, thấy mừng, thấy lòng run rẩy xúc động quá! Tôi tiếc cho một chú nai ngây thơ, xinh đẹp ngày xưa! Sự chuyển biến giữa lời thơ dịu dàng, chua xót đến trong thơ như tiếng ngọc gieo hoàn toàn phù hợp với sự chuyển biến ý tưởng trong câu thơ. Chúng đã phải trải qua nhiều gian khổ, nhiều lao đao mới hình thành được như ngày nay. Chú nai thơ vũng chãi, kiêu hãnh và anh dũng.

Một loạt hình ảnh so sánh nối tiếp nhau dồn dập như bước chân ngày nào tiến quân lên Tây Bắc như “nai về suối cũ”, “cỏ đón giêng hai chim én gặp mùa” hay “trẻ thơ đói lòng gặp sữa”, “chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa”. So sánh là biện pháp nâng cao ý tưởng, lời thơ nhưng rất dễ sáo mòn. Với Chế Lan Viên thì không! Những so sánh của ông đều có những mục đích nhất định. Nhân dân là tất cả những gì đẹp nhất, thơm hương nhất của cuộc đời. Đó là bình sữa ngọt, là mùa cho chim về làm tổ, là nguồn sống tiếp sức cho nhà thơ, cho con người thêm sức lực vươn tới để sống và chiến đấu.

Trừ hai khổ thơ đầu, còn lại toàn bài thơ là chìm lấp trong một biển nhưng nhớ đến day dứt lòng người. Nhà thơ như đang đi trên bờ hiện tại mà linh hồn ngóng vọng về quá khứ. Áp mặt lên bờ suy tưởng, nhà thơ suy nghĩ về những tháng ngày đã qua, những tháng ngày đã sống đầy gian lao và yêu thương. Hạnh phúc nhất là khi ta có những kỉ niệm để thương yêu, áp ủ bên lòng. Hạnh phúc lớn nhất là khi người ta có quá khứ để quay lại và nhìn xem mình đã lớn được bao nhiêu. Chế Lan Viên là người hạnh phúc nhất

trong những người hạnh phúc. Bởi vì ông không chỉ có kỉ niệm đẹp, mà ông còn ôm ấp, biết giữ gìn, biết ghi lòng tạc dạ không quên những kỉ niệm xa xưa ấy.

Mỗi nỗi nhớ của nhà thơ đều mang âm hưởng của dân tộc. Nhớ về “người anh du kích” là nhớ về “chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn”, “chiếc áo nâu suốt một đời vá rách”. Hay chính là Chế Lan Viên cũng đang nhớ về một đất nước của những anh hùng áo vải cờ đào, những anh hùng nông dân nghèo khổ nhưng tâm hồn không nghèo không hạn hẹp? Nhớ đến “thằng em liên lạc” cũng chính là nhớ đến lòng dũng cảm của em: “Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ – Mười năm tròn! Chưa mất một phong thư”. Hay chính là Chế Lan Viên đang nhớ về lòng dũng cảm của một dân tộc anh hùng qua bốn ngàn năm văn hiến? Nỗi nhớ như trải qua suốt chiều dài của “đêm công đồn”, chiều sâu, chiều rộng của những con đường người liên lạc đã đi qua. Để rồi chúng tụ họp lại thành nỗi nhớ bóng dáng của người mẹ nuôi trong ngọn lửa. Cái bóng dáng gọi lên trong lòng thao thức về hình ảnh người mẹ Việt Nam hiền hòa như dòng sữa, xanh mát như một bóng cây cổ thụ ngã trên đường dài nhiều truân chuyên, nâng đỡ cho ta từng bữa ăn, giấc ngủ. Đọc lại hai câu thơ:

*Con nhớ mẹ! Lửa hồng soi tóc bạc
Năm con đau mẹ thức một mùa dài*

Giữa những ngày giá rét, không phải ngọn lửa đã sưởi ấm lòng tác giả mà chính là tình mẹ mệnh mông, sưởi ấm tâm hồn tác giả dù “Con với mẹ không phải hòn máu cắt”.

Nhưng nỗi nhớ của Chế Lan Viên trong bài thơ không “chơi vơi” như nỗi nhớ của Quang Dũng (Tây Tiến) cũng chẳng phải là nỗi nhớ bồn chồn mơ hồ của Nguyễn Đình Thi (*Đất nước*). Nỗi nhớ của Chế Lan Viên bao gồm những gì rất cụ thể, rất sâu sắc. Nó đã sống trong lòng tác giả, tựa quây như một cái bào thai để rồi nhà thơ phải ngòi vào bàn mà viết, mà suy tư. Sự lặp lại “nhớ” trong thơ Chế Lan Viên không khiến người ta nhàm chán mà còn cảm thấy thích thú khi mình đang được đi vào mộng tưởng của nhà thơ rồi cùng nhà thơ tắm mình trong biển nhớ bao la đó:

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ
Nơi nào qua lòng lại chẳng yêu thương
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở
Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!*

Dường như Chế Lan Viên đi theo hướng thơ với Huy Cận. Trong đó mỗi câu mỗi từ đều được đem ra ngắm nghía kỹ lưỡng, rồi phết lên đó một vàng trắng suy tưởng sâu xa. Thơ triết lý dễ làm người ta chán, người ta bỏ đi nhưng khi đã hiểu họ bỗng ta yêu nó đến cuồng nhiệt, yêu tưởng như sẽ chẳng bao giờ yêu được như thế nữa! Nhất là đối với hai câu thơ của Chế Lan Viên:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!

Tôi đã gặp rất nhiều người ngâm nga hai câu thơ trên một cách thích thú mặc dù không biết chắc chúng được ai viết ra! Hỡi, chỉ bảo vì họ thích, vì những điều đó có thật mà họ không bao giờ để ý đến điều đó. Tôi cũng đồng ý với họ và khen Chế Lan Viên, khen rằng trong thơ Việt Nam hai câu thơ này sẽ không ai biết được nữa! Còn gì tài hơn khi Chế Lan Viên đã nắm bắt được mạch suy nghĩ của loài người, nắm được những gì quá nhỏ bé mà con người vốn lãng quên để đưa vào thơ mình, để khơi gợi một sức sống mãnh liệt trong linh hồn bài thơ. Phải, tôi cho rằng hai câu thơ này chính là linh hồn của bài thơ. Nó trong sáng và đẹp như một buổi ban mai đầy ánh dương. Thường thì những gì mình có, mình gập gờ hàng ngày là tầm thường với mình quá rồi! Kể cả đất cũng vậy, đất quê hương, đất xứ người, đất trên muôn vạn mảnh đất khác lạ! Nhưng rồi một ngày ta đi xa, một ngày ta bỗng là người của một miền khác. Những tầm thường kia bỗng trở thành ngọc, thành vàng. Thật ra đó chỉ là những viên đá bình thường nhưng vì được bọc trong kỉ niệm, bọc trong thương nhớ, yêu đương bỗng có sức hút mãnh liệt. Nó níu kéo, xô đẩy ta trong sự suy tư trăn trở. Ta bỗng thấy lòng day dứt, thấy lòng băng khuâng nuối tiếc tháng ngày đã qua đến phát khóc đó, thấu hiểu được điều đó bởi vì chính ông cũng từng thốt lên:

Tình yêu làm đất lạ hóa quê hương.

Tình yêu ở đây được hiểu theo nhiều nghĩa. Lòng yêu của nhà thơ với mảnh đất xa lạ Tây Bắc, với những con người Tây Bắc đã ấp ủ, đùm bọc nhà thơ suốt những năm dài kháng chiến. Tình yêu của nhà thơ với quá khứ, với kỉ niệm xa. Và cũng có thể đó là tình yêu của rừng núi Tây Bắc, của con người dân Tây Bắc đối với nhà thơ – một người con, một người anh, một người bạn, một con người gắn bó máu thịt với mảnh đất anh hùng này.

Xứ thiêng liêng rừng núi đã anh hùng

Nơi máu rỏ tâm hồn ta thành đất

Nay rạt rào đã chín trái đầu xuân.

Hai câu thơ đối nghịch để cho thấy một sức sống vĩ đại của miền Tây Bắc. Máu rỏ xuống và cây mọc lên. Mỗi khi đọc lại hai câu thơ này, ta lại hình dung ra những trái cây mang hình một giọt máu. Động từ “rỏ” cũng được nhà thơ sử dụng rất hay, rất độc đáo. Ai cũng muốn nói máu trào, máu sôi, máu tuôn... mà quên đi “máu rỏ”. “Rỏ” cho ta thấy một sự quá bền bỉ, quá kiên nhẫn, quá kiên cường và quá nhiều! Máu ấy đã “rỏ” trong suốt mười năm, trong suốt những dòng thơ sẽ rỏ xuống gấp bội, gấp vạn lần nữa! Một giọt máu rỏ, một sự hy sinh bền bỉ và kiên gan như những người con đất Việt nói chung và Tây Bắc nói riêng.

Trở về với linh hồn thơ, trở về với những niềm tâm sự sâu lắng của nhà thơ để bắt gặp chính linh hồn ta trong ấy! Một linh hồn không phải được

cứu vớt từ Chúa trời, mà được cứu vớt bởi lương tâm và trách nhiệm với những gì mình đã sống, đã đi qua. Không chỉ đơn thuần “đất đã hóa tâm hồn”, đất đã trở thành một phần xương máu trong cơ thể ta mà đất còn là một ngọn lửa nhỏ sưởi ấm lòng ta khi lạnh giá, là một vì sao soi đường mỗi khi ta lầm lạc. Vậy mà trong cuộc sống này, đã có biết bao nhiêu người tìm mọi cách quên lãng quá khứ, rũ bỏ những ngày qua. Đành rằng không thể sống mãi với quá khứ nhưng đừng bao giờ quên đi quá khứ. Bởi đó là những nấc thang đầu tiên đưa ta đến với đời. Tôi chỉ ước mơ rằng, những ai đã và đang lãng quên dần với kỉ niệm hãy ngâm nga hai câu thơ của Chế Lan Viên:

Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở

Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn!

khi ấy bạn sẽ thấy thật thanh thản, nhẹ nhàng, giống như mình đi trên mây lướt trên gió muốn thơ thấm dạt vào người.

“Thơ là tổng kết của nhạc, họa và chạm khắc khi cần thiết”. Thì đây, giữa những dòng nhạc êm dịu đang chảy đôi bờ quá khứ và hiện tại, màu vàng của cánh kiến bỗng sống lên nao nức. Màu vàng của nhớ nhung, của tình yêu, của kỉ niệm, thoát xác, biến thành một nàng tiên xinh đẹp, tay ôm một mớ sắc vàng vung lên bài thơ, vung lên trần gian và nỗi nhớ. Đọc bài thơ mà như cảm thấy tay mình sờ vào đâu cũng dính màu vàng sặc sỡ mà ấm áp, hồn mình phiêu bạt về đâu cũng đụng phải nỗi nhớ thương. Sắc vàng và nỗi nhớ quyện vào nhau, đung đưa trước gió như một tâm mạng nhện óng ánh nhiều màu sắc, vây hãm ta bằng muôn sợi tơ êm dịu.

Chưa bao giờ tôi được đọc một bài thơ nhiều nỗi nhớ đến thế! Chưa bao giờ tôi được đọc một bài thơ nhiều sự so sánh, liên tưởng kỳ lạ đến thế! Trong những dòng thơ ấy ngập tràn màu sắc hương vị của mùa xuân. Tràn ngập một cái gì như tình người mà nhiều hơn tình người nhiều lắm!

Đoạn trích được dùng lại ở khổ thơ:

Đất nước ta hay lòng ta gọi?

Tàu hãy vỗ giùm ta đôi cánh vội

Mắt ta thềm mái ngói đỏ thăm ga.

Kết thúc bằng một câu hỏi. Mở đầu cũng bằng một câu hỏi. Để từ đó nhận ra một Chế Lan Viên luôn trăn trở, lo âu, luôn tự hỏi mình, hỏi người để sống và vươn tới. Câu hỏi như một lần nhấn mạnh cuối cùng: đã sống thì phải sống như một người con chân chính. Một con người có thủy có chung có nghĩa có tình. Một con người biết hy sinh sự ấm áp nhỏ bé của riêng mình mà gánh lên vai trách nhiệm đối với đất nước.

Cả bài thơ như một bản giao hưởng kéo con người về kỉ niệm, về quá khứ, về tình người. Chế Lan Viên đã yêu quá khứ, thủy chung với kỉ niệm như ông đã từng yêu người, yêu đời! Không gian trong bài thơ tự lại rồi

loãng ra, trải dài qua suốt mười năm kháng chiến. Một bài thơ nhỏ mà thời gian lại thật dài và nỗi nhớ thật lớn! Những dòng thơ vẫn mang âm hưởng mạnh mẽ của một thời (*Điều tàn*) nhưng thấp thoáng sau đó là một trời tươi sáng, nơi mặt đất nở hoa và ngàn cây ra trái, nơi những ánh dương của một tâm hồn mới soi rọi đến muôn đời.

Thơ hay không bởi vì kỹ thuật viết, mà bởi vì con mắt nhìn của nghệ sĩ. Càng phải tìm hiểu, càng sâu sắc biết bao thơ càng dễ sống, càng dễ bắt tử.

Thời gian ba mươi năm đã đi qua Chế Lan Viên cũng đã ra đi. Nhưng cũng chính ông đã nói: “Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở – Khi ta đi, đất đã hóa tâm hồn”. Chế Lan Viên đã ra đi để lại những mảnh đất nơi ông đã từng qua, từng sống trở thành một tâm hồn bình dị với nhớ nhung thiết tha. Mảnh đất Việt này nhớ ông, một người lớn lên trong phong trào Thơ mới và chuyên mình trong cuộc đời mới của đất nước quê hương.

Đọc thơ ông, hiểu thơ ông ta biết thêm một Chế Lan Viên thủy chung, nhân hậu. Một Chế Lan Viên lúc nào cũng muốn mình và người sống tốt hơn. Và ta có thể hát lên được rằng:

*Đâu cần thanh niên có
Đâu khó có thanh niên
Lớp cha trước lớp con sau
Đã thành đồng chí chung câu quân hành.*

(Tố Hữu)

Và rồi bỗng nhiên, tôi ước gì mình cũng có một bài thơ hay như thế của riêng mình! Mình cũng là một người từng sống, từng yêu thương như Chế Lan Viên.

Nguyễn Thị Châu Giang, học sinh lớp 12 Văn
Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, TP. Hồ Chí Minh